TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112 /2019/HC-PT
Ngày 31/5/2019

"Khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Hồng Sơn;
Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;
Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 341/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2018 "V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6013/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện***:

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947 (có mặt);

Trú tại: Thôn 6, xã ĐB, huyện VQ, tỉnh Hà Tĩnh;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện*: Luật sư Nguyễn Doãn H và Ngô Văn V - Công ty luật TNHH HTC Việt Nam, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt Luật sư H; vắng Luật sư V).

**** Người bị kiện***:

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng NS1 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*:

Ông Hồ Huy T - Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh (có mặt);

Ông Phạm Quốc T2 - Phó Chủ tịch UBND huyện VQ (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trịnh Văn N1 - Chủ tịch UBND huyện VQ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông N1 có bà Lê Thị Thanh H - Chánh Thanh tra UBND huyện VQ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện*:

Về nguồn gốc thửa đất:

Vào khoảng năm 1910, ông Nguyễn D (1873-1975; là bố của ông Nguyễn S2) khai hoang được khoảng l.000 m^2 đất nông nghiệp tại khu vực Cồn Đình (Rú Đình) thuộc địa bàn xã ĐB, huyện VQ, tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích đất khai hoang này đã được hai đời chủ tịch xã ĐB là các ông Trần NH (nhiệm kỳ 1965 - 1972) và ông Trần Huy L1 (nhiệm kỳ 1972-1980) xác nhận.

Năm 1950, ông D cho con trai là ông Nguyễn S2 mảnh đất trên để định cư và sinh sống. Cùng năm 1950, ông Nguyễn S2 đã xây dựng nhà gỗ 05 gian trên mảnh đất này và canh tác nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất mà cha ông đã khai khẩn được. Từ đó, ông S2 và gia đình sinh sống ổn định tại Cồn Đình đến năm 1965. Từ năm 1966, do khu vực này là vùng trọng điểm bị giải bom đánh phá, chấp hành lệnh cấp trên, gia đình ông Nguyễn S2 phải đi sơ tán về nhà cha mẹ đẻ; năm 1972, ông S2 mất.

Thời gian từ năm 1972 đến 1982, được sự đồng ý của UBND huyện ĐT, Công ty thương nghiệp ĐT mượn của xã ĐB 9.460 m^2 (hoặc 9.660 m^2) trong đó có khoảng hơn 400 m^2 thuộc 1.000 m^2 đất khai hoang của ông Nguyễn D, phần đất khoảng 600 m^2 còn lại, ông S2 cho gia đình ông Trần C1 mượn ở từ năm 1982 đến năm 2004 thì gia đình ông C1 trả lại cho gia đình ông S2, diện tích đất này được sử dụng trồng cây ăn quả lâu năm.

Năm 1991-1992, ông Nguyễn Xuân Q (là con của ông S2, bà S) trở về ổn định cuộc sống trên mảnh đất này. Do khoảng 400 m^2 đất đang do Công ty thương nghiệp ĐT chiếm mượn và phần đất gia đình cho ông Trần C1 mượn, nên ông Q phải chặt vườn cây ăn quả lâu năm để làm nhà và sinh sống ổn định tại đó từ năm 1991 đến năm 2006 không có tranh chấp với ai. Thông tin này đã được xác nhận từ những người cao tuổi sống trên địa bàn, trong đó có bà Lg (81 tuổi), ông Tg, ông M2, ông A đều xác nhận do chiến tranh mà gia đình ông Quy phải đi sơ tán, có đơn chứng nhận thuê ốt gia đình ông Q của bà Th, ông Đ2, bà H3 từ những năm 1992 đến nay. Trong thời gian này, gia đình bà S đã nhiều lần lên UBND xã ĐB xin đóng thuế sử dụng đất nhưng vẫn không được chính quyền chấp thuận.

Năm 2004, chính quyền huyện và xã đã cắt một phần đất trong l.000 m^2 của gia đình bà S để phân thành 3 lô đất và tổ chức bán đấu giá.

Đến 12/10/2006, bà Nguyễn Thị H4 khởi kiện đòi lại 300 m^2 đất mà gia đình bà S đang ở chỉ với một Quyết định cấp đất số 33/QĐ-UB ngày 23/01/1992 tại Cồn Đình. Ngày 29/3/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa

phúc thẩm và xét xử đình chỉ vụ kiện tranh chấp của bà Nguyễn Thị H4 vì không có cơ sở. Qua vụ kiện này, người khởi kiện nhận thấy pháp luật vẫn công nhận quyền sử dụng đất lâu dài, ổn định của gia đình bà.

Từ năm 2013 đến năm 2014, Nhà nước chủ trương đo đạc lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn dân vì từ trước đến nay toàn bộ địa bàn xã ĐB chưa được cấp nên gia đình bà S đã kiến nghị lên xã để làm thủ tục cấp sổ đỏ của 1/3 diện tích đất đang sử dụng, nhưng xã không trả lời lý do vì sao. Từ năm 2007 đến năm 2014, gia đình bà S vẫn sinh sống và làm ăn trên mảnh đất do ông cha để lại, tuy rằng đã không còn trọn vẹn l.000 m^2 như xưa.

Ngày 19/12/2014, UBND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 4035/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép khảo sát xây dựng chợ Bông, xã ĐB, huyện VQ của Hợp tác xã Môi trường và Thương mại tổng hợp ĐB. Để có đất phục vụ dự án, UBND huyện VQ đã ban hành 03 văn bản yêu cầu gia đình bà S di dời để bàn giao mặt bằng cho Hợp tác xã Môi trường và Thương mại tổng hợp ĐB thuê 49 năm mà không có bất cứ khoản bồi thường hay hỗ trợ nào cho gia đình bà S:

Công văn số 281/CV-UBND ngày 26/4/2016 về bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng, xã ĐB (giai đoạn 1);

Công văn số 349/CV-UBND ngày 19/5/2016 về bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng, xã ĐB (giai đoạn 1) - lần 2;

Công văn số 443/CV-UBND ngày 24/6/2016 về bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng, xã ĐB (giai đoạn 1) - Lần 3;

Khồng đồng ý với các văn bản yêu cầu của UBND huyện VQ bà S khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện VQ và được giải quyết bằng quyết định giải quyết khiếu nại số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện VQ, bà S khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh và được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 bằng quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25/9/2017.

Bà S cho rằng thửa đất của gia đình bà đã có và sử dụng từ lâu đời như đã nêu trên nên mảnh đất của gia đình bà hoàn toàn đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013 và có đủ cơ sở pháp lý để được hưởng mọi chế độ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, bà S khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

1. Hủy bỏ một phần các văn bản trái pháp luật sau:

- Thông báo Thu hồi đất số 39/TB-UBND ngày 10/02/2014 của UBND huyện VQ về việc Thu hồi đất để thực hiện mở rộng xây dựng chợ Bộng xã ĐB (giai đoạn 1).

- Văn bản số 281/CV-UBND ngày 26/4/2016 của UBND huyện VQ về việc bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng xã ĐB (giai đoạn 1).

- Văn bản số 349/CV-UBND ngày 19/5/2016 của UBND huyện VQ về bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng, xã ĐB (giai đoạn 1) lần 2;

- Văn bản số 443/CV-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện VQ về việc bàn giao mặt bằng phục vụ thi công xây dựng công trình: Đầu tư mở rộng chợ Bộng xã ĐB (giai đoạn 1) lần 3.

- Quyết định số 923/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VQ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S, thôn 6, xã ĐB (lần 1).

- Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S, ở thôn 6, xã ĐB, huyện VQ (lần 2).

2. Yêu cầu cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy định của Luật đất đai hiện hành, tiến hành khảo sát, thống kê để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà S và bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh chỉ đạo, yêu cầu UBND huyện VQ chính thức xin lỗi gia đình vì đã yếu kém trong công tác quản lí đất đai, dẫn đến tranh chấp khiếu nại, khiếu kiện kéo dài không đáng đối với gia đinh bà S.

4. Đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh chỉ đạo, yêu cầu UBND huyện VQ xử lý nghiêm khắc các tập thể, cá nhân đã vi phạm pháp luật về đất đai trong thời gian qua gây khó khăn cho gia đinh bà S trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Rút yêu cầu: Buộc UBND huyện VQ cùng với chủ đầu tư xây dựng chợ Bộng bồi thường giá trị sử dụng đất cho gia đình bà S số tiền 20.000.000 đ/m^2 x 613,5 m^2 = 12.270.000.000 đ.

** Đại diện người bị kiện trình bày*:

Bà Nguyễn Thị S có đơn khiếu nại việc "UBND huyện VQ thu hồi diện tích đất hơn 400 m^2 gia đình bà sử dụng từ năm 1992 đến nay để xây dựng Trung tâm thương mại chợ Bộng nhưng không thực hiện việc bồi thường đất và tài sản trên đất là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà". Nội dung khiếu nại nêu trên của bà S đã được Chủ tịch UBND huyện VQ giải quyết lần đầu theo quyết định giải quyết khiếu nại số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017, bà S không đồng ý và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Tại Quyết định số 2736/QĐ- UBND ngày 25/9/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh giải quyết khiếu nại với nội dung:

Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị S đòi bồi thường toàn bộ diện tích hơn 400 m^2 tại khu thương mại trung tâm chợ Bộng, xã ĐB, huyện VQ vì: Tại thời điểm thu hồi (tháng 1/2016) gia đình bà chỉ sử dụng

117,5 m^2, trong đó có 35,3 m^2 gia đình bà sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay đủ điều kiện bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013; diện tích 82,2 m^2 gia đình bà sử dụng năm 2005 đã bị UBND xã ĐB xử phạt vi phạm hành chính không đủ điều kiện bồi thường đất và tài sản trên đất theo quy định tại Điều 82, 92 Luật đất đai 2013. Diện tích 492 m^2 phía sau 04 ki ốt do UBND xã ĐB quản lý đang có tranh chấp giữa gia đình bà S với bà Nguyễn Thị H4, căn cứ quy định Luật đất đai 2013 phần đất này không đủ điều kiện bồi thường.

Điều 2. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện VQ giải quyết khiếu nại lần đầu của bà S ở thôn 6, xã ĐB, huyện VQ là đúng chính sách pháp luật của Nhà nước...

Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S là hoàn toàn đúng quy định pháp luật, căn cứ pháp lý để ban hành là:

Về nguồn gốc thửa đất: Vùng đất bà S khiếu nại hơn 400 m^2 ở khu vực Cồn Đình, chợ Bộng thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 8, bản đồ 299 có tổng diện tích 9.660 m^2, chủ sử dụng đất là Công ty Thương Nghiệp ĐT. Kết quả đo đạc hiện trạng ngày 27/6/2017 thể hiện vùng đất bà S khiếu nại có diện tích 613,5 m^2, trong đó có 04 ki ốt tổng diện tích 117,5 m^2, và phần đất trống phía sau các ki ốt có diện tích 496 m^2. Trước năm 1965, vùng đất này do ông Nguyễn S2 (bố chồng bà S) sử dụng, từ năm 1966-1972 do chiến tranh đi sơ tán không ai sử dụng. Năm 1972, UBND xã ĐB giao cho Công ty Thương nghiệp ĐT quản lý, sử dụng. Năm 1992, gia đình bà S đến xây dựng 01 ki ốt kinh doanh trên một phần của thửa đất (ki ốt số 01). Quá trình sử dụng gia đình bà S đã tự ý xây dựng, cơi nới thêm một phần diện tích là các ki ốt số 02, 03, 04 và đã bị UBND xã ĐB xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế yêu cầu tháo dỡ vào năm 2005.

Kết quả tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư và kiểm tra hiện trạng phần đất gia đình bà S đang sử dụng của UBND huyện VQ khẳng định: Năm 1992 gia đình bà S xây dựng 01 ki ốt diện tích 35,3 m^2 (ki ốt số 01) để kinh doanh, đến năm 2005 gia đình bà S cơi nới dựng thêm các ki ốt số 02, 03, 04 (Theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 27/6/2017).

Đối với diện tích đất phía sau 4 ki ốt là 496 m^2 qua xem xét bản đồ địa chính qua các thời kỳ, sổ mục kê 299 là đất do Công ty Thương Nghiệp ĐT sử dụng; sơ đồ đo vẽ kê khai theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ là do UBND xã ĐB quản lý. Từ trước đến nay gia đình bà S không sử dụng phần diện tích đất này. Bà S không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/20 Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013 thì diện tích 35,3 m^2 (ki ốt số 01) gia đình bà S sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay đủ điều kiện bồi thường về đất và tài sản trên đất. Diện tích 82,2 m^2 (các ki ốt số 02, 03, 04) gia đình bà S cơi nới năm 2005 đã bị UBND xã ĐB xử phạt hành chính, theo quy định tại Điều 82, 92 Luật đất đai 2013 không đủ điều kiện bồi thường về đất và tài sản trên đất.

Từ các căn cứ trên người bị kiện giữ nguyên Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

** Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:

Bà Nguyễn Thị S có đơn khiếu nại việc "UBND huyện VQ thu hồi diện tích đất hơn 400 m^2 gia đình bà sử dụng từ năm 1992 đến nay để xây dựng Trung tâm thương mại chợ Bộng nhưng không thực hiện việc bồi thường đất và tài sản trên đất là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà". Nội dung khiếu nại của bà S được Chủ tịch UBND huyện VQ giải quyết khiếu nại lần đầu bằng Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017, căn cứ, cơ sở pháp lý để UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là kết quả rà soát hồ sơ về nguồn gốc, quá trình quản lý Nhà nước về đất đai các thời kỳ, quá trình sử dụng đất từ trước đến nay cũng như quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất, kết quả lấy ý kiến khu dân cư và kiểm tra hiện trạng phần đất gia đình bà S đang sử dụng cho thấy: Việc bà S khiếu nại đòi bồi thường toàn bộ diện tích khoảng 400 m^2 UBND huyện VQ thu hồi để xây dựng Trung tâm thương mại chợ Bộng, xã ĐB với lý do bà S cho rằng gia đình bà sử dụng đất từ năm 1992 đến nay là không có cơ sở, mà trên vùng đất này có 1 ki ốt diện tích 35,3 m^2 (ki ốt số 01) gia đình bà S sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2005, bà S đã tự ý xây dựng, cơi nới thêm các ki ốt số 02, 03, 04 diện tích 82,2 m^2 đã bị UBND xã ĐB xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế nên không đủ điều kiện bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại Điều 82, 92 Luật đất đai 2013. Đối với diện tích đất phía sau 4 ki ốt là 496 m^2 từ trước đến nay gia đình bà S không sử dụng và không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất nên không được bồi thường theo quy định Luật đất đai 2013. Qua xem xét bản đồ địa chính qua các thời kỳ, sổ mục kê 299 là đất do Công ty thương nghiệp ĐT sử dụng; sơ đồ đo vẽ kê khai theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ là do UBND xã ĐB quản lý. Từ những căn cứ trên, UBND huyện VQ giữ nguyên nội dung Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 về giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 30/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 75, Điều 82, Điều 92, Điều 100, Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thi S về việc:

Yêu cầu tuyên hủy một phần các văn bản:

- Thông báo Thu hồi đất số 39/TB-UBND ngày 10/02/2014 của huyện VQ về việc thu hồi đất để thực hiện mở rộng xây dựng chợ xã ĐB (giai đoạn 1).

- Quyết định số 923/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VQ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S, thôn 6, xã ĐB (lần 1).

- Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S, ở thôn 6, xã ĐB, huyện VQ (lần 2).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/9/2018, bà Nguyễn Thị S kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị S không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nêu ý kiến như sau: Xét về nguồn gốc đất của gia đình bà S đã được chứng minh là do cha ông để lại sử dụng ổn định đến năm 1965. Từ năm 1965 đến năm 1972, gia đình phải đi sơ tán theo ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Năm 1991-1992, gia đình bà S tiếp tục về sử dụng, xây dựng 03 ki ốt bán hàng trên diện tích đất này và đến năm 2004 thì người thuê ki ốt trả lại cho bà S ki ốt thứ 04, trong quá trình sử dụng không tranh chấp với ai, việc sử dụng là ổn định từ đó cho đến nay bao gồm 117,5 m^2 đã xây dựng 04 ki ốt bán hàng; đối với 496 m^2 đất phía sau các ki ốt thì có sự tranh chấp với bà H4 nhưng Tòa án đã đình chỉ giải quyết và từ đó đến nay bà S vẫn tiếp tục sử dụng ổn định. Việc gia đình bà S thực tế sử dụng diện tích đất này từ những năm 1991-1992 được nhiều người dân làm chứng, xác nhận. Ngoài ra, các cấp chính quyền trong quá trình giải quyết khiếu nại của bà S còn có một số sai sót như ông Đặng N1 S1 phải trực tiếp tham gia đối thoại nhưng ông S1 không tham gia là sai nên quyết định giải quyết khiếu nại là sai; việc chính quyền cấp xã lấy đất của gia đình bà S cho Công ty thương nghiệp ĐT mượn là sai thẩm quyền; văn bản thu hồi đất số 443 áp dụng các căn cứ pháp luật chưa có hiệu lực. Do đó, căn cứ Luật đất đai 2013, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà S.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Đất gia đình bà S sử dụng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho người khác sử dụng từ những năm 1972, cụ thể trong vụ án này là giao cho Công ty thương nghiệp ĐT; các văn bản, giấy tờ lưu tại các cấp chính quyền đều thể hiện khu đất này do UBND xã quản lý từ năm 1996. Đối với diện tích của các ki ốt được đánh số thứ tự từ 02, 03, 04 do gia đình bà S xây dựng đã bị xử phạt vi phạm hành chính, diện tích 496 m^2 đất còn lại là do UBND xã ĐB quản lý. Do đó, quá trình tiến hành thu hồi đất chỉ bồi thường cho gia đình bà S đối với 35,3 m^2 đất tại ki ốt số 01, diện tích đất còn lại không được bồi thường là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, gia đình bà S khi sơ tán thì đã được chính quyền cấp cho diện tích đất khác để sử dụng, hiện nay gia đình bà S đang sử dụng khoảng 1.000 m^2 đất dùng vào việc ở và 20.000 m^2 đất vườn, khu đất bị thu hồi trong vụ án này không được quy hoạch là đất ở. Vì vậy, các quyết định của Chủ tịch UBND huyện VQ, UBND

huyện VQ cũng như quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bản đồ 299 và sổ mục kê đã thể hiện đầy đủ về quá trình sử dụng đất; các đơn của bà S thể hiện vào năm 2009-2010 thừa nhận bà chỉ sử dụng 01 ki ốt; vụ kiện tranh chấp đất đai do Tòa án đình chỉ là do chưa đủ điều kiện khởi kiện chứ không phải khẳng định quyền sử dụng đất của bà S. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S. Đối với các yêu cầu khác thấy không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài L1 có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Thông báo thu hồi đất số 39/TB-UBND ngày 10/02/2014 của huyện VQ; Quyết định số 923/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện VQ; Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt người khởi kiện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; có mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:**

Quá trình thực hiện dự án xây dựng Trung tâm thương mại chợ Bộng, hộ bà Nguyễn Thị S bị thu hồi hơn 400 m^2 đất. Do bị thu hồi đất nhưng không được bồi thường đất và tài sản trên đất nên bà S khiếu nại. UBND huyện VQ, Chủ tịch UBND huyện VQ cũng như Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh đã trả lời bà S

bằng các văn bản nêu trên. Không đồng ý với các văn bản trả lời, bà S khởi kiện vụ án hành chính.

Trên cơ sở kết quả rà soát hồ sơ về nguồn gốc, quá trình quản lý Nhà nước về đất đai các thời kỳ, quá trình sử dụng đất từ trước đến nay cũng như quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất, kết quả lấy ý kiến khu dân cư và kiểm tra hiện trạng phần đất gia đình bà S đang sử dụng cho thấy:

- Thực hiện chính sách thời chiến, chính quyền đã tạo điều kiện cho gia đình bà S có những diện tích đất khác để canh tác, ổn định cuộc sống, diện tích đất của gia đình bà S khi đi sơ tán để lại đã được chính quyền giao cho Công ty thương nghiệp ĐT quản lý, sử dụng và khi Công ty thương nghiệp ĐT không sử dụng thì chính quyền trực tiếp quản lý cho đến nay. Hiện nay, gia đình bà S đang được sử dụng khoảng 1.000 m^2 đất dùng vào việc ở và 20.000 m^2 đất vườn chứ không phải là không có đất sử dụng.

- Thực tế trên vùng đất bị thu hồi có 1 ki ốt diện tích 35,3 m^2 (ki ốt số 01) gia đình bà S sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Luật đất đai thì bà S được bồi thường đối với diện tích nhà đất này và chính quyền cũng đã thực hiện việc bồi thường cho bà S.

- Đối với các ki ốt bà S đã tự ý xây dựng, cơi nới thêm vào năn 2005 (các ki ốt số 02, 03, 04 diện tích 82,2 m^2) đã bị UBND xã ĐB xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế nên không đủ điều kiện bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại Điều 82, 92 Luật đất đai 2013. Tại phiên tòa, bà S thừa nhận năm 2005 có bị chính quyền tổ chức cưỡng chế phá dỡ nhưng do bà chống đối quyết liệt nên chính quyền không thực hiện được.

- Đối với diện tích đất phía sau 4 ki ốt là 496 m^2 từ trước đến nay gia đình bà S không sử dụng, không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất và khu đất này không được quy hoạch là đất ở nên không được bồi thường theo quy định Luật đất đai 2013. Qua xem xét bản đồ địa chính qua các thời kỳ, sổ mục kê 299 là đất do Công ty thương nghiệp ĐT sử dụng; sơ đồ đo vẽ kê khai theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ thì diện tích đất này do UBND xã ĐB quản lý. Từ những căn cứ trên, UBND huyện VQ giữ nguyên nội dung Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 về giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị S.

Đối với một số vấn đề khác được Luật sư nêu tại phiên tòa nhưng các vấn đề này không làm thay đổi bản chất vụ án và căn cứ vào phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm là phù hợp.

Từ các phân tích nêu trên và tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Bà Nguyễn Thị S không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn